

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán kinh phí Trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông đường sắt chuyên dụng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/7/2007 của Liên bộ tài nguyên và Môi trường- Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán đo đạc bản đồ và quản lý đất đai số; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính; Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 731/2013/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt điều chỉnh Đơn giá sản phẩm đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung Văn bản số **34** /KQTD-TNMT của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định dự toán kinh phí trích đo địa chính phục vụ công tác GPMB đối với Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông đường sắt chuyên dụng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí lập trích đo địa chính phục vụ công tác GPMB đối với Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông đường sắt chuyên dụng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Kinh phí phê duyệt: **98.203.000đ.**

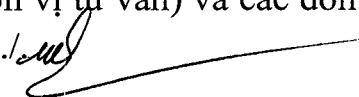
(Bằng chữ: Chín mươi tám triệu hai trăm linh ba nghìn đồng chẵn).

(Có Bảng Dự toán kinh phí lập hồ sơ trích đo địa chính khu đất Phòng Tài nguyên & MT đã thẩm định kèm theo).

Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn GPMB được duyệt theo Quyết định số 1319/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Phòng Tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tham mưu thu hồi đất thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông đường sắt chuyên dụng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng HĐND & UBND Thị xã; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính- Kế hoạch; Công ty Cổ phần Trắc địa Tài nguyên và Môi trường Phương Hà (Đơn vị tư vấn) và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu : VT, TNMT.



Tổng Thanh Bình

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ
KINH PHÍ TRÍCH ĐO BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB

Hạng mục: Trích đo địa chính khu đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng
Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông đường sắt chuyên dụng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
 (Kèm theo Quyết định số **266/QĐ-UBND** ngày **23/01/2017** của UBND thị xã Bỉm Sơn)

Căn cứ lập Dự toán

- Căn cứ Thông tư số 50/2013/TT-BTNMT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường Về việc Ban hành định mức KTKT đo đạc bản đồ
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 22/7/2007 Về việc hướng dẫn lập dự toán đo đạc bản đồ và quản lý đất đai
- Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc phê duyệt điều chỉnh Đơn giá đo đạc bản đồ lập HSĐC cấp GCNQSD đất.
- Theo hướng dẫn số 5377/STNMT-ĐĐBĐ ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về việc trích đo địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất và mục đích quản lý đất đai khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Loại khó khăn	Chi phí theo đơn giá (đã bao gồm CPC)		Chi phí trực tiếp			
					Đơn giá	Thành tiền		Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	Thu nhập chịu thuế tính trước	Cộng chi phí trước thuế
1	2	3	4	5	6	7=4*6	8=80%*(7)	9=(8)*3%	10=(7+8+9)*5.5%	11=(7+9+10)*5.5%
1	Trích đo bản đồ địa chính	Thửa	36	< 100m2	1.756.622	63.238.392	50.590.714	1.517.721	6.344.075	71.100.189
		Thửa	6	100-300m2	2.084.525	12.507.150	10.005.720	300.172	1.254.717	14.062.039
2	Lưới không chế (Đo ngắm bằng cọc gỗ)	Điểm	2	1	1.829.037	3.658.074	2.926.459	87.794	366.978	4.112.846
3	Giá trị dự toán trước thuế									89.275.074
4	Thuế VAT									8.927.507
	Tổng giá trị sau thuế					16.165.224	12.932.179	387.965	1.621.695	98.202.581
	Làm tròn số									98.203.000

(Chín mươi tám triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng)